TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HS-PT
Ngày 21 - 3 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Hương

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Vinh và ông Nguyễn Xuân Chiến

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Vũ Trí là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 19/2023/TLPT-HS ngày 01 tháng 02 năm 2023 đối với Trương Thị S do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 79/2022/HS-ST ngày 20-12-2022 của Toà án nhân dân huyện Đắk Mil.

Bị cáo có kháng cáo: **Trương Thị S**, sinh năm 1974 tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Thôn 10, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Trương Đức L và bà Nguyễn Thị D (đều đã chết); có chồng là Nguyễn Văn K (đã ly hôn) và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08-7-2022 đến ngày 01-8-2022, tại ngoại - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 02-2020, ông Y L có nhu cầu vay vốn nên mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCN QSDĐ) số CO 998254 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 07-01-2019 đối với thửa đất số 817, tờ bản đồ 17, diện tích 1.535m^2 mang tên Y L và H X giao cho Lê Thị P nhờ liên hệ vay vốn tại ngân hàng. Lê Thị P đồng ý nhưng do không vay được nên nhờ Nguyễn Thị Mỹ L liên hệ người bán giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất trên để lấy tiền tiêu xài. Nguyễn Thị Mỹ L liên hệ với Phan Thị H bán với số tiền 14.000.000 đồng, sau đó Phan Thị H tiếp tục bán cho Lê Thị H với số tiền 15.000.000 đồng. Khoảng tháng 6-2020, Phan Thị H chuộc lại GCN QSDĐ trên và bán cho Tống Thị T với số tiền 35.000.000 đồng. Sau đó, Tống Thị T tiếp tục bán cho Trương Thị S với số tiền 80.000.000 đồng.

Ngày 05-6-2020, Trương Thị S có mượn của ông Phạm Văn N số tiền 950.000.000 đồng để sử dụng vào mục đích cá nhân, việc vay mượn tiền diễn ra tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi mượn tiền ông N yêu cầu Trương Thị S phải có tài sản thế chấp để bảo đảm cho khoản vay. Trương Thị S đã sử dụng GCN QSDĐ mang tên Y L, H X đã mua của Tống Thị T để thế chấp cho ông N và được ông N đồng ý. Do GCN QSDĐ đứng tên vợ chồng ông Y L, bà H X nên Trương Thị S đã nhờ Tống Thị T làm giả hợp đồng ủy quyền, T đồng ý và liên hệ Phùng Thị D nhờ làm hợp đồng ủy quyền giả và được D đồng ý. Sau đó, D, T và S cùng gặp nhau tại quán cà phê GH tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ để bàn về việc làm giả hợp đồng. Tại đây, Tống Thị T và Trương Thị S cung cấp các thông tin cá nhân của người uỷ quyền, người nhận uỷ quyền và thông tin thửa đất để Phùng Thị D liên hệ người làm giả.

Sau khi có các thông tin D đưa tới tiệm phô tô MT, địa chỉ thôn Đ, xã Đ, huyện Đ do Trương Minh T làm chủ và nhờ T làm giả hợp đồng uỷ quyền cùng lời chứng của Văn phòng Công chứng VMV. Sau khi có được hợp đồng cùng lời chứng, Phùng Thị D mang về quán cà phê giao cho T và S. Tại thời điểm này hợp đồng cùng lời chứng đã có dấu giáp lai, dấu đỏ cùng chữ ký của Công chứng viên thuộc Văn phòng Công chứng VMV, tại mục người ủy quyền đã được ghi tên và điểm chỉ. Sau khi kiểm tra Trương Thị S ký, điểm chỉ vào phần người nhận ủy quyền và tất cả ra về. Để hoàn thiện hợp đồng uỷ quyền giả kèm lời chứng của công chứng viên ngày 12-6-2020 số công chứng 9349 quyển số 05TP/CC-SCC-HĐGD đã có chữ ký của công chứng viên VMV và đóng dấu Văn phòng Công chứng VMV, Trương Thị S đã ký tên và điểm chỉ vào mục người nhận uỷ quyền. Do tại mục người ủy quyền chưa ghi tên, chưa điểm chỉ nên Trương Thị S đã nhờ Tống Thị T viết tên Y L, H X đồng thời điểm chỉ ngón trỏ tay trái và ngón trỏ tay phải của Tống Thị T dưới tên Y L và nhờ Phùng Thị D điểm chỉ ngón trỏ tay trái và ngón trỏ tay phải của Phùng Thị D dưới tên H X. Ngày 13-6-2020, Trương Thị S đến Văn phòng Công chứng VTHT, địa chỉ thị trấn E, huyện C và sử dụng hợp đồng ủy quyền giả để làm hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn N. Sau khi hết thời hạn thế chấp nhưng S không có tiền để trả nợ cho ông N, sau nhiều lần ông N liên hệ với Trương Thị S để yêu cầu trả nợ nhưng không được nên ông Phạm Văn N đã tìm đến vợ chồng ông Y L, bà H X để làm rõ tính pháp lý của hợp đồng uỷ quyền trên và được biết

vợ chồng ông Y L chưa uỷ quyền cho bất kỳ cá nhân, tổ chức nào liên quan đến quyền sử dụng đất trên. Sau khi biết sự việc vợ chồng ông Y L, bà H X đã trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội Trương Thị S đã bỏ trốn khỏi địa phương. Đến ngày 08-7-2022, Trương Thị S bị bắt theo lệnh truy nã của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil.

Kết luận giám định số 96/GĐTL-PC09 ngày 22-7-2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận:

- Hình tròn có nội dung (VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG VMV) trên tài liệu cần giám định *(ký hiệu A)* so với hình dấu tròn màu đỏ có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh *(ký hiệu M1)* không phải do cùng một con dấu đóng ra;

- Hình dấu tên (VMV) trên tài liệu cần giám định *(ký hiệu A)* so với hình dấu tên có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh *(hiệu hiệu M1)* không phải do cùng một con dấu đóng ra;

- Chữ ký mang tên VMV dưới mục: Công chứng viên trên tài liệu cần giám định *(ký hiệu A)* so với chữ ký của VMV trên tài liệu mẫu cần so sánh *(ký hiệu M1)* là không phải do cùng một người ký ra;

- Chữ ký *(dạng chữ viết)* mang tên Y L, H X dưới mục bên A và dưới các trang đánh số 1, 2 trên tài liệu cần giám định *(ký hiệu A)* so với chữ ký của Phùng Thị D trên tài liệu mẫu so sánh *(ký hiệu M2)* là không phải do cùng một người ký ra;

- Chữ ký, chữ viết mang tên Trương Thị S bên dưới mục B và dưới các trang đánh số 1, 2 trên tài liệu cần giám định *(ký hiệu A)* so với chữ ký, chữ viết của Trương Thị S trên tài liệu mẫu so sánh *(ký hiệu M3)* là do cùng một người ký, viết ra;

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký *(dạng chữ viết)* mang tên Y L, H X dưới mục bên A và dưới các trang đánh số 1, 2 trên tài liệu cần giám định *(ký hiệu A)* so với chữ ký của Tống Thị T trên tài liệu mẫu so sánh *(ký hiệu M4)* phải làm giống một người ký, viết ra hay không.

- Chữ ký *(dạng chữ viết)* mang tên H X bên dưới mục A và dưới các trang đánh số 1, 2 trên tài liệu cần giám định *(ký hiệu A)* so với chữ ký H X trên tài liệu mẫu so sánh *(ký hiệu M5)* là không phải do cùng một người ký ra;

- Chữ ký *(dạng chữ viết)* mang tên Y L dưới mục bên A và bên dưới các trang đánh số 1, 2 trên tài liệu cần giám định *(ký hiệu A)* so với chữ ký của Y L trên tài liệu mẫu so sánh *(ký hiệu M6)* là không phải do cùng một người ký ra;

- Dấu vân tay bên trái, bên phải chữ ký mang tên H X trên tài liệu cần định dạng *(ký hiệu A)* so với dấu vân tay của Phùng Thị D trên mẫu tài liệu so sánh *(ký hiệu M7)* là dấu vân tay của cùng một người in ra;

- Dấu vân tay bên trái, bên phải chữ ký mang tên Y L trên tài liệu cần giám định *(ký hiệu A)* so với dấu vân tay của Tống Thị T trên mẫu tài liệu so sánh *(ký hiệu M8)* là dấu vân tay của cùng một người in ra;

- Dấu vân tay bên trái, bên phải chữ ký mang tên Trương Thị S trên tài liệu cần định dạng *(ký hiệu A)* so với dấu vân tay của Trương Thị S trên mẫu tài liệu so sánh *(ký hiệu M9)* là dấu vân tay của cùng một người in ra.

Kết luận giám định số 215/GĐTL-KTHS ngày 05-9-2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận:

- Dấu tròn màu đỏ có nội dung Văn phòng Công chứng VMV dưới mục Công chứng viên và giáp lai trên các trang 1, 3, 4 của Hợp đồng uỷ quyền được tạo ra bằng phương pháp in màu.

- Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung Văn phòng công chứng VMV giáp lai trên trang 4 của Hợp đồng uỷ quyền so với phần chữ nội dung của văn bản thì hình con dấu có trước, chữ nội dung có sau.

Bản án hình sự sơ thẩm số 79/2022/HS-ST ngày 20-12-2022 của Toà án nhân dân huyện Đắk Mil đã quyết định: Tuyên bố Trương Thị S phạm các tội *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"* và *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"*. Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i (đối với tội *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"*) điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Trương Thị S 06 tháng tù về tội *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"* và 09 tháng tù về tội *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức"*, tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc Trương Thị S phải chấp hành là 01 năm 03 tháng tù.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 03-01-2023, Trương Thị S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Trương Thị S thừa nhận Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil xử phạt bị cáo về các tội *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"* và *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự là đúng, không oan và giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của Trương Thị S, giữ nguyên bản án sơ thẩm về điều luật áp dụng và hình phạt.

Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Bản án hình sự sơ thẩm số 79/2022/HS-ST ngày 20-12-2022 của Toà án nhân dân huyện Đắk Mil đã kết án Trương Thị S về các tội *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"* và *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của Trương Thị S, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo 01 năm 03 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi, hậu quả do bị cáo gây ra. Tuy nhiên, tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới đang bị bệnh ung thư và hở van tim cần phải được theo dõi điều trị thường xuyên tại các cơ sở y tế. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[3]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông là chưa phù hợp với diễn biến và tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa phúc thẩm.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo của Trương Thị S được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

[5]. Đối với các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Thị S, sửa Bản án sơ thẩm số 79/2022/HS-ST ngày 20-12-2022 của Toà án nhân dân huyện Đắk Mil về điều luật áp dụng và hình phạt.

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 341; các điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Trương Thị S 06 *(sáu)* tháng tù về tội *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"*.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Trương Thị S 06 *(sáu)* tháng tù về tội *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức"*.

1.3. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc Trương Thị S phải chấp hành là 01 *(một)* năm tù, thời hạn chấp hành tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08-7-2022 đến ngày 01-8-2022.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC (Vụ I);
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh Đắk Nông;
- CQTHAHS Công an tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk Mil;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- CQCSĐT Công an huyện Đắk Mil;
- CQTHAHS Công an huyện Đ;
- Bị cáo;
- Lưu: Tổ HCTP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Quốc Hương